TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS – ST
Ngày: 11-4-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang C

2. Bà Phạm Thị N

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Kiều O - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị L – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP X; Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức T1 (Giấy ủy ngày 01/07/2022). (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T2 ; ĐKTT: Đội 11, thôn Nghĩa, xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, Tp. Hà Nội; Nơi cư trú cuối cùng: 96A Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần X cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đức T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào ngày 23/10/2013, Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết với ông Nguyễn Văn T2 . Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng). Ngân hàng đã cấp 02 thẻ cho ông T2, cụ thể: Thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8474 và 01 thẻ Family Local Credit 970403-9266 với hạn mức sử dụng chung của hai thẻ là 13.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng, ông T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 27.906.060 đồng, trong đó: Thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8474 sử dụng 11.556.060 đồng, 01 thẻ Family Local Credit 970403-9266 sử dụng 16.360.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 24.664.000 đồng, trong đó thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-8474 là 9.879.000 đồng, 01 thẻ Family Local Credit 970403-9266 là 14.785.000 đồng. Nhưng sau đó ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, sau nhiều lần nhắc nhở, ngày 06/6/2016, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu của ông T2 sang thành nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2 thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 11/4/2023, cụ thể: Nợ gốc là 14.717.122 đồng; lãi quá hạn là 42.962.178 đồng; tổng số tiền là 57.679.300 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 19/01/2023 cho đến khi ông trả dứt nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Bị đơn – ông Nguyễn Văn T2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 203 và Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 248, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành ngày 23/10/2013 được ký kết giữa Ngân hàng và ông T2 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó yêu cầu của ngân hàng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X, Hội đồng xét xử nhận định vụ án trên là tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Về thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện Ngân hàng cung cấp địa chỉ cư trú của đơn ông T1 là 96A Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM; Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2013 ký kết giữa Ngân hàng và ông T2, địa chỉ thường trú của ông T2 là: Đội 11, thôn Nghĩa, xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, Tp. Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: 96A Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, Tp.Hà Nội cho biết ông Nguyễn Văn T2 có Hộ khẩu thường trú tại Đội 11, thôn Nghĩa, xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, Tp. Hà Nội. Từ tháng 7/2010 ông T đã chuyển tạm trú vào phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM. Từ đó đến nay không thường xuyên sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM cho biết: ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987 không có hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại địa chỉ 96A Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM. Đương sự Nguyễn Văn T2 đã trả phòng chuyển đi nơi khác khoảng thời gian vào năm 2018, chuyển đi đâu không rõ. Do đó căn cứ vào đơn khởi kiện, vào thông tin cung cấp nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn T2 nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 96A Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Tp.HCM nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là và giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

- Đại diện nguyên đơn - ông Trần Đức T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông T1 vắng mặt

không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 11/4/2023, là 57.679.300 đồng; trong đó nợ gốc 14.717.122 đồng; lãi quá hạn là 42.962.178 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/4/2023 cho đến khi ông T2 trả hết nợ theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2013 của ông Nguyễn Văn T2 về việc đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng Visa Credit Classic số 472074-8474 và thẻ Family Local Credit 970403-9266 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389 và Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 11/4/2023, là 57.679.300 đồng; trong đó nợ gốc 14.717.122 đồng; lãi quá hạn là 42.962.178 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/4/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 28/10/2013 là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán: Xét, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng đã lâu, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T2 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 57.679.300 = 2.883.965 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 1.052.042 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474 Bộ Luật Dân Sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7; khoản 1 Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X .

- Buộc ông Nguyễn Văn T2 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền còn nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 21/4/2023 tính đến ngày 11/4/2023 là 57.679.300 (năm mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, ba trăm) đồng; trong đó nợ gốc là 14.717.122 (mười bốn triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, một trăm hai mươi hai) đồng; lãi quá hạn là 42.962.178 (bốn mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm bảy mươi tám) đồng.

Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/4/2023 theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Nguyễn Văn T2 thanh toán xong số tiền còn nợ.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí là 2.883.965 (hai triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn, chín trăm sáu mươi lăm) đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 1.052.042 (một triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, không trăm bốn mươi hai) đồng cho Ngân hàng Thương mại

cổ phần X theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0071925 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. X;
- Chi cục THADS Q. X;
- Lưu VP, hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh H